

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 119/2017/HSST.

Ngày: 28 – 8 – 2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Mơ.
2. Ông Lành Văn Khánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn:
Ông Phạm Văn Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 118/2017/HSST, ngày 08 tháng 8 năm 2017, đối với:

- *Bị cáo:* Hoàng Hiến C; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 20 tháng 10 năm 1996 tại huyện L, tỉnh S. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh S.

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày, quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Văn M, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 26/4/2017 cho đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 7, ngõ 4, đường H, phường T, thành phố S, tỉnh S. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Mạnh L, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 7, ngõ 4, đường H, phường T, thành phố S, tỉnh S. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Hoàng Hiến C bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào hồi 00 giờ 30 phút, ngày 26/4/2017, tại khu vực đường H, phường T, thành phố S, tỉnh S; tổ công tác Công an thành phố S phát hiện bắt quả tang Hoàng Hiến C có hành vi tàng trữ trái phép chất nghi ma túy, thu giữ 01 gói giấy nhỏ bên trong chứa chất tinh thể màu trắng; 01 điện thoại di động và 01 xe đạp điện.

Tại bản kết luận giám định số 171/KL-PC54 ngày 28/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công tỉnh S kết luận: Chất bột màu trắng có trong 01 túi nion thu giữ của Hoàng Hiến C là chất ma túy Methamphetamine, có trọng lượng 1,303 gam.

Tại bản cáo trạng số 121/KSĐT ngày 07/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Hoàng Hiến C về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa Hoàng Hiến C khai nhận: Bị cáo đi làm thuê tại thành phố N có quen biết Bùi Văn C, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn S, xã X, huyện T, thành phố N. Cả hai đã bàn nhau lên thành phố S tìm mua ma túy về thành phố N bán kiếm lời. Ngày 25/4/2017, Hoàng Hiến C và Bùi Văn C góp được 1.300.000 đồng rồi cùng nhau đi lên thành phố S rồi dùng số tiền góp được chi tiêu ăn uống, chơi điện tử và mua ma túy đá sử dụng. Khi đã tiêu hết tiền, cả hai thống nhất không mua ma túy nữa; Bùi Văn C ngủ tại nhà nghỉ, Hoàng Hiến C đi đến nhà của chị Lê Thị Ngọc L chơi. Do cần ma túy để sử dụng nên Hoàng Hiến C gọi điện cho người quen tên là P(*không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể*) để hỏi mua ma túy và hẹn nhau giao dịch tại khu vực núi T.

Hoàng Hiến C đã mượn xe đạp điện của chị Lê Thị Ngọc L; đến nơi, P đưa cho bị cáo 01 túi nilon ma túy đá và nói là mang về sử dụng kiểm tra chất lượng, nếu được sẽ mua bán sau. Hoàng Hiến C cất số ma túy vào túi quần đang mặc (*túi bên phải phía trước*) rồi điều khiển xe đạp quay về để trả, khi đến đoạn đường H thì bị bắt quả tang.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội và tranh luận:

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được; hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy, do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét:

- Tuyên bố bị cáo Hoàng Hiến C phạm “*Tội tàng trữ trái phép chất ma túy*”; áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Áp dụng

khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, xử phạt bị cáo Hoàng Hiến C từ 18 đến 24 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, tài sản riêng nên không có khả năng thi hành.

- Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy, tịch thu hóa giá 01 chiếc điện thoại di động, trả lại cho chị Lê Thị Ngọc L 01 chiếc xe đạp điện.

- Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng thể hiện bị cáo đã nhận thức được hành vi của bản thân là sai trái và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo yên tâm cải tạo hoàn lương, sớm được trở về chăm sóc gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

Về cấu thành tội phạm:

Chủ thể: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và độ tuổi theo quy định của pháp luật Hình sự.

Khách thể: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ, chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về việc cất giữ, vận chuyển, trao đổi chất ma túy; đi ngược lại đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong việc đấu tranh phòng ngừa các tội phạm về ma túy; đây là loại chất gây nghiện, mang tính chất độc được gây nguy hại cho sức khỏe của con người nếu dùng trái chỉ định.

Mặt chủ quan: Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức được hành vi của mình là vi phạm

pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Mặt khách quan: Bị cáo có hành vi tàng trữ, cất giấu trong người 1,303 gam ma túy Methamphetamine với mục đích để sử dụng. Tính chất, hành vi của bị cáo gây nguy hại cho xã hội, thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng.

Với các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận bị cáo Hoàng Hiến C có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự; bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì nhất thiết còn cần phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan, nhằm cá thể hoá trách nhiệm hình sự và hình phạt, trên cơ sở xem xét đề nghị luận tội của cơ quan công tố, cụ thể:

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã được học đến lớp 09/12, có đủ trình độ nhận thức xã hội và pháp luật; bị cáo biết tác hại của ma túy cũng như các quy định của pháp luật về việc phòng chống ma túy, nhưng do lối sống buông thả, thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện dẫn đến bị cáo sử dụng ma túy, thậm chí còn có ý định mua ma túy về bán kiếm lời, nhưng chưa thực hiện được hành vi này cùng với Bùi Văn C do cùng ăn chơi hết tiền để mua ma túy.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ sự việc phạm tội, thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Thực hiện chính sách pháp luật khoan hồng của Đảng và Nhà nước, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Hình phạt chính: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội có hiệu lực ngày 05/7/2017, Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của HĐPTANDTC và hướng dẫn tại công văn 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn thi hành các quy định có lợi cho người phạm tội trong các Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; xác định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định với tội danh tương ứng của bị cáo có mức hình phạt từ 01 đến 05 năm (*nhẹ và có lợi hơn quy định tại khoản 1 Điều 194 với khung hình phạt từ 02 - 07 năm*) do vậy cần áp dụng mức hình phạt thấp hơn trong khung của Điều luật, trên cơ sở nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả gây

ra cũng như yếu tố nhân thân, điều kiện gia cảnh của bị cáo, xác định: Bị cáo tàng trữ lượng ma túy không lớn, ở gần mức định lượng khởi điểm, mục đích đơn thuần tàng trữ để sử dụng, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Hội đồng xét xử xem xét, quyết định một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội; đó là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định, ấn định hình phạt gần mức khởi điểm của khung hình phạt, đủ để bị cáo có thời gian tập trung học tập, cải tạo, làm lại cuộc đời, đoàn tụ, chăm sóc gia đình và trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời cũng đảm bảo tính chất răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 09/5/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S đối với bị cáo, có xác nhận của chính quyền địa phương và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản đảm bảo thi hành án; vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì không mang tính khả thi trong công tác thi hành án, đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo yên tâm học tập, cải tạo, sớm chấp hành xong Bản án.

Xử lý vật chứng; áp dụng các điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; căn cứ khoản 1, các điểm a, b khoản 2 và khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy là vật cấm lưu hành.

- Tại phiên tòa, bị cáo khai có được mượn chiếc điện thoại của anh Nguyễn Mạnh L (*anh Nguyễn Mạnh L là chồng chị Lê Thị Ngọc L*); việc này không có người chứng kiến, chị Lan cũng chỉ được nghe chồng nói lại và không đề nghị được trả lại vì đó là chiếc điện thoại đã cũ, không còn giá trị và chồng chị không sử dụng. Anh Nguyễn Mạnh L vắng mặt và không có yêu cầu đề nghị đối với chiếc điện thoại. Hội đồng xét xử quyết định tịch thu 01 điện thoại di động là công cụ phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo đã sử dụng liên lạc với đối tượng tên P để mua ma túy nhằm tàng trữ sử dụng; trong trường hợp nếu có yêu cầu, anh Nguyễn Mạnh L có quyền khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu Hoàng Hiến C trả lại trị giá chiếc điện thoại.

- Chiếc xe đạp điện là phương tiện bị cáo sử dụng đi giao dịch mua ma túy; tuy nhiên xác định chủ sở hữu của chiếc xe là chị Lê Thị Ngọc L, việc bị cáo mượn xe của chị L đi phạm tội, chị L không biết, nên ngay tình; trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định pháp luật và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Trách nhiệm dân sự; chị Lê Thị Ngọc L không có yêu cầu bồi thường thiệt hại việc chiếc xe bị hư hỏng nhẹ và khoảng thời gian chị không có phương tiện sử dụng nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

Đề nghị của bị cáo trong lời nói sau cùng đã được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc khi nghị án và quyết định hình phạt.

Bị cáo là người phạm tội phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Con người, sự việc liên quan; đối với Bùi Văn C, xác định không liên quan đến hành vi tàng trữ ma túy, Công an thành phố đã xử phạt hành chính hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định pháp luật. Đối với người nam thanh niên tên P đã bán ma túy cho bị cáo, do không xác định được lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố S chưa đủ căn cứ chứng minh, xem xét, xử lý; yêu cầu và đề nghị các cơ quan bảo vệ pháp luật tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ đối tượng có hành vi phạm tội để sớm đưa ra trừng trị trước pháp luật.

Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã trình bày lời luận tội và đề nghị giải quyết vụ án phù hợp với các nhận định nêu trên; bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến đối đáp, tranh luận.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Hoàng Hiến C phạm: “ Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm h, khoản 2, Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Hoàng Hiến C 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 26/4/2017.

2. Vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; căn cứ khoản 1, các điểm a, b khoản 2 và khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy 1,104 gam chất ma túy Methamphetamine cùng vỏ bao gói kèm theo chứa trong 01 (một) phong bì thư niêm phong mẫu vật hoàn lại sau giám định (*Phần hao hụt đã sử dụng giám định*).

- Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động màu đen, số IMEI: 991057681735586, máy cũ đã qua sử dụng.

(Các vật chứng nói trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh S, có các đặc điểm như được mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/8/2017 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công An thành phố và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S).

- Trả lại cho chị Lê Thị Ngọc L 01 (Một) chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Nijia, màu trắng, xe cũ đã qua sử dụng; xác nhận đã thi hành theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 13/7/2017 giữa Công an thành phố S và chị Lê Thị Ngọc L.

3. Án phí: Căn cứ các khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hoàng Hiến C phải chịu 200.000VNĐ (*Hai trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Ngọc L; vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Mạnh L. Hội đồng xét xử thông báo cho những người có mặt được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn;
- CQCSĐT Công an TP.Lạng Sơn;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Lạng Sơn;
- Chi cục THA Dân sự TP. Lạng Sơn;
- UBND xã Hội Hoan, H. Văn Lãng
(*Thay thông báo kết quả xét xử*);
- Lưu Tòa, Hồ sơ;
- Bị cáo:.....;
- Người có QL&NVLQ:.....

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Cường.